

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HƯ HỎNG NĂM 2024 ĐỀ NGHỊ THANH LÝ (04 mã tài sản)

Tài sản cố định hư hỏng năm 2024 (BCKK - PL 02b)

STT	Tên tài sản cố định	Số thẻ TSCĐ	ĐVT	Ngày bắt đầu đưa vào sử dụng	Ngày kết thúc khấu hao	Vị trí lưu trữ	Số lượng	Đánh giá tình trạng tài sản
1	Bàn hiệu chỉnh áp suất	TS20112	Cái	17/10/2008	16/10/2013	PX VAHA	1	Các module của bàn hiệu chỉnh áp suất sau một thời gian dài sử dụng đã bị hỏng các linh kiện bên trong, các màn hình hiển thị LCD bị mờ nhòe, không thể sử dụng được nữa. Đã kiểm tra, sửa chữa nhưng không khắc phục được (Theo biên bản đánh giá Kỹ thuật ngày 20/11/2024)
2	Máy photocopy Konica Minolta Bizhub 363	TS20425	Cái	05/09/2014	30/09/2019	P.TCHC	1	Các linh kiện bị hư hỏng, Main chính photo bị lỗi, Cụm trống photo bị trầy xước không biến đổi hình ảnh do thời gian sử dụng trên 10 năm. Cụm sấy bị hỏng, không còn photo được nữa
3	Máy Photocopy Ricoh Aficio MP2500	TS20011	Cái	01/01/2008	31/12/2010	P.TCKT	1	Các linh kiện bị hư hỏng, Main chính photo bị lỗi, Cụm trống photo Ricoh bị trầy xước không biến đổi hình ảnh do thời gian sử dụng trên 16 năm. Bản in mặt trên mờ, mặt dưới có vết đen dài, không còn sử dụng photo được nữa
4	Máy Photocopy Ricoh Aficio MP2500-1	TS20413	Cái	04/03/2009	03/03/2014	P.KHVT	1	Các linh kiện bị hư hỏng, Main chính photo bị lỗi, Cụm trống photo Ricoh bị trầy xước không biến đổi hình ảnh do thời gian sử dụng trên 15 năm. Lỗi máy nhòe chữ, không còn photo được nữa



PHỤ LỤC 02: CÔNG CỤ DỤNG CỤ PHÂN LOẠI LÀ PHẾ LIỆU ĐỀ NGHỊ THANH LÝ (31 dòng)

Công cụ dụng cụ hư hỏng năm 2024 (BCKK - PL 04a)

STT	SNB	Tên và ký hiệu CCDC	Mã CCDC	Bộ phận sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả tình trạng	Ghi chú
I		Máy tính				10		
1	1	Máy tính xách tay. Macbook pro 13"256GB	88510165	P.TCHC	Cái	1	Hỏng main, ổ cứng, màn hình không sử dụng được	
2	2	Máy tính để bàn HP LE1711 17inch	41010900004	P.TCHC	Bộ	1	Hỏng main, không lên màn hình	
3	3	Máy tính để bàn Main Gia/CPU intel core I3-7100/ VGA intel/ HDD 1Tb. Ram 4Gb1600. Nguồn 400W/ Case	88510011	P.TCHC	Bộ	1	Hỏng main, không lên màn hình	
4	4	Máy tính để bàn. Main Giga/Intel G3240/Ram 4G/ HDD 500GB/Power coolermaster 350W/Keymouse genius/DVD Rom/Case Delus, LCD 18.5" Samsung	88550020	P.TCHC	Bộ	1	Hỏng main, không lên màn hình	
5	5	Máy tính xách tay Dell Latitude 7270 I5	88550803	P.TCHC	Cái	1	Hỏng Mainboard, bàn phím bị lỗi, không nạp được pin	
6	6	Máy tính xách tay 14' Dell latitude 3400BTX	88550805	P.KHVT	Cái	1	hỏng main, không lên màn hình	
7	7	Máy tính để bàn. Main Giga/Intel G3240/Ram 4G/ HDD 500GB/Power coolermaster 350W/Keymouse genius/DVD Rom/Case Delus, LCD 18.5" Samsung	88550020	P.TCKT	Bộ	1	Hỏng main, không lên màn hình	
8	8	Máy tính để bàn Main Gia/CPU intel core I3-7100/ VGA intel/ HDD 1Tb. Ram 4Gb1600. Nguồn 400W/ Case	88510011	P.KT	Bộ	2	Màn hình sọc, hỏng main	
9	9	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5468. CPU: Intel Core i7-7500U. Ram: 8GB DDR. Ổ cứng: 1TB HDD. Màn	88510000	P.KT	Cái	1	Hỏng main, bàn phím bị kẹt, màn hình không lên	
II		Bàn ghế tú				15		
10	1	Ghế nhân viên Hòa Phát - SG713H	88972309	P.TCHC	Cái	1	Bị rách nệm, gãy chân	
11	2	Ghế nhân viên SG 713H	88820713	P.TCHC	Cái	3	Bị rách nệm, gãy chân	
12	3	Ghế nhân viên SG 713H bọc si đen. Kích thước: 610x670x1020-1150mm	88820713	P.TCHC	Cái	1	Bị rách nệm, gãy chân	
13	4	Ghế xoay hợp D29	88972209	P.KT	Cái	10	Bị rách nệm, gãy chân	
III		Thiết bị đồ điện, tin học				7		
14	1	Máy in laser. HP M402N. Độ phân giải 1200x1200 dpi. Tốc độ 38trang/phút. Bộ nhớ 128MB.	58720525	P.TCHC	Cái	1	Máy in ko kéo được giấy. không nhận kết nối với máy tính	
15	2	Smart tivi Samsung 4K, 50".	88562046	NCV - CH02	Cái	1	Hư nguồn, màn hình cháy	
16	3	Tủ lạnh Samsung RT22M4032BY/SV	88540003	NCV - CH02	Cái	1	Hệ thống làm lạnh hết lạnh	
17	4	Máy lạnh inverter 1.5HP. loại Gas R410	89130314	P.ATSKMT	Bộ	1	Máy chạy liên tục nhưng không lạnh, và bị chảy nước	
18	5	Máy lạnh treo tường (PH Bảo vệ)(1.5HP)	88951992	P.ATSKMT	Bộ	1	Quạt dàn lạnh không chạy, hỏng nguồn cục nóng	
19	6	Bơm di động chống ngập 2HP 1 pha Q=10m3/h	51897021	PX VH	Cái	1	Động cơ bị quá nhiệt, cháy nguồn	

STT	SNB	Tên và ký hiệu CCDC	Mã CCDC	Bộ phận sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả tình trạng	Ghi chú
20	7	Bơm thùng phuy CHEONSEI DR-SLS-10-U4A-S Model: DR-PLS-10-U4A-S; Công suất (W): 430 Cột áp (m): 8; Lưu lượng: 130 (lít/phút). Cỡ cổng hút-xả: 44-25 (mm); Vật liệu: SS316 Điện áp (V): 220;	83242100	PX VH	Cái	1	Cháy động cơ	
IV		Khác				25		
21	1	Máy chụp hình NIKON D7100 24.1 Mcgapixel	88551710	P.TCHC	Cái	1	Hỏng nguồn, lỗi màn hình, lỗi cảm biến, không nhận pin sạc	
22	2	Đèn led chiếu sáng khu vực sân khấu	88974010	NCV	Bộ	1	Bóng đèn bị bể	
23	3	Thùng rác nhựa màu xanh dung tích 240L	89110258	NCV	Cái	10	Bị thùng đáy, vỡ	
24	4	Bảng thông báo bằng nhôm kiếng (dạng hộp) KT: 100cm x 160cm	89215160	NCV	Cái	2	Bị vỡ kính, tấm bảng bị nứt	
25	5	Thang nhôm cao 1500mm	83484500	P.TCKT	Cái	1	Gãy thanh leo, gãy chân	
26	6	Đồng hồ vạn năng hiện số, 73402 Yokoyawa	87136011	PX VH	Cái	2	Hỏng Board mạch không lên nguồn	
27	7	Tuốc nơ vít dẹp 10 mm, 66882. Ega Master	82583132	P.KT	Cái	1	Đầu tua nơ vít bị mòn	
28	8	Xe đạp martin	88401130	PX VH	cái	4	Cong niền, hỏng xích, yên, gãy sườn	
29	9	Màn chiếu điện tử cao cấp Ezzen 100"	88550158	PX VH	Cái	1	Cháy động cơ cuốn màn chiếu	
30	10	Ống nhôm quan sát, Bushnell	88080800	PX VH	Cái	1	Bộ phận chỉnh nét bị nhòe, la bàn định hướng không xoay, kính lọc bị trầy, mờ	
31	11	Bút dò dây điện 51256 Model: 51256; Dài đo: 90V – 1000V Tần số: 50/60Hz; Nguồn cấp: 3V (2 pin AA	18108110	PX VH	Cái	1	Hỏng mạch, cháy đèn	

**PHỤ LỤC 3.1: VẬT TƯ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI PHÂN LOẠI LÀ PHẾ LIỆU ĐỀ NGHỊ
THANH LÝ (122 dòng loại vật tư)**

Vật tư thu hồi đã qua sử dụng trong năm 2024 (BCKK - PL 10)

STT	Mã vật tư	Tên vật tư và quy cách	DVT	Số lượng	Mô tả tình trạng	Vị trí lưu trữ	Ghi chú
1	89130476	Quạt làm mát Model R2E133-BH66-24 Điện áp danh định: 230VAC Tần số: 50 / 60Hz Tốc độ: 2700 / 3200RPM Công suất tiêu thụ: 25W Dòng điện hút: 0,11 / 0,13 A	CAI	1	Bị cháy động cơ	Kho vật tư	
2	89130331	Quạt làm mát Model R2E133-BH66-25 Điện áp danh định: 230VAC Tần số: 50 / 60Hz Tốc độ: 2800 / 3200RPM Công suất tiêu thụ: 24W Dòng điện hút: 0,11 / 0,13 A	CAI	1	Bị cháy động cơ	Kho vật tư	
3	51887603	Bơm định lượng AKL603NHH0000, Seko	CAI	2	Bị cháy động cơ	Kho vật tư	
4	56296022	Proximity Switch - PROXIMITY SENSOR ; TYPE: KEMA 02ATEX1090X - MODEL: BI2-G12SK-Y1X. HTCT437546R0001 .Servomotor - Type: PHA110/50 HTCT 802 229 V0001 Serial No.: Inductive Proximity Switch HTCT 804 244 V0001 Solenoid Pilot valve HTCT 691 400 D0025	CAI	2	Tiếp điểm tiếp xúc bị lão hóa	Kho vật tư	
5	51836209	Quạt giải nhiệt dàn nóng GE Commercial Motors HC39GE468: Model 5KCP39KFV110AS , Hp: 1/4 , RPM: 1100/900 , A : 0.70	CAI	1	Bị cháy cuộn dây rotor	Kho vật tư	
6	89130331	Quạt làm mát Model R2E133-BH66-25 Điện áp danh định: 230VAC Tần số: 50 / 60Hz Tốc độ: 2800 / 3200RPM Công suất tiêu thụ: 24W Dòng điện hút: 0,11 / 0,13 A	CAI	1	Bị cháy cuộn dây rotor	Kho vật tư	
7	89130476	Quạt làm mát Model R2E133-BH66-24 Điện áp danh định: 230VAC Tần số: 50 / 60Hz Tốc độ: 2700 / 3200RPM Công suất tiêu thụ: 25W Dòng điện hút: 0,11 / 0,13 A	CAI	1	Bị cháy cuộn dây rotor	Kho vật tư	
8	56482243	Van điều áp B73G-4AK-QD1-RSG	BO	1	Mòn ty van, không thể làm kín	Kho vật tư	
9	51990106	Valve fire fighting	CAI	1	Mòn ty van, không thể làm kín	Kho vật tư	
10	56482243	Van điều áp B73G-4AK-QD1-RSG	BO	1	Mòn ty van, không thể làm kín	Kho vật tư	
11	35690042	INVERTER, i510	CAI	1	Hư bộ nguồn	Kho vật tư	
12	50137305	Vòng bi 6305-2Z/C3	VONG	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
13	50137306	Bearing/Vòng bi 6306-2Z/C3	CAI	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
14	56482243	Van điều áp B73G-4AK-QD1-RSG	BO	1	Mòn ty van, không thể làm kín	Kho vật tư	
15	36653016	Bộ đèn cao áp treo trần PHBDD200L. Power: 200W; 110...240V 50Hz. 4500K...5000K.	BO	1	Bị cháy	Kho vật tư	
16	50132640	Bạc đạn 6307LLUCM/5K	CAI	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
17	56070265	BEARING 6309-2RSR C3 (MOTOR PUMP JONHSON)	PC	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
18	56072780	AUTOM.VENT 3/8" HY-CCW SYSTEM. Type: HY-Vent 3/8", G3/8"	CAI	1	Mòn kim loại/không có khả năng làm kín	Kho vật tư	
19	51988001	Ball valve Size: 1". Material: Stainless steel (Đầu nối với đường ống bằng 2 đầu ren) P 70 BAR, T 100 ĐỘ C	CAI	2	Mòn khuyết/ không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
20	35691002	Inverter power supply PS--MV 180-...230VDC. PB002. Siemens; Type:7MF4997-1DN	CAI	1	Cháy bộ nguồn	Kho vật tư	
21	51887203	Bơm nước Type: TS32/9A/B 10M KA, 1pha công suất 300W	CAI	1	Bị cháy động cơ	Kho vật tư	
22	56006096	Card BIU241 A04 .Card của Relay Micom C264C. AREVA; Power supply:V A, nom: 220 V DC and 115 to 230VAC / Nominal voltage for 2 DI: 220 VDC	CAI	1	Bị cháy cuộn dây	Kho vật tư	
23	35691002	Inverter power supply PS--MV 180-...230VDC. PB002. Siemens; Type:7MF4997-1DN	CAI	1	Bị cháy bộ nguồn	Kho vật tư	

STT	Mã vật tư	Tên vật tư và quy cách	DVT	Số lượng	Mô tả tình trạng	Vị trí lưu trữ	Ghi chú
24	56495360	QUẠT TÀN NHIỆT (LÀM MÁT. COOLING BLOWER) TOYO. NICAD #: 220VAC, 15 cm AC fan. 32W. MODEL: FP-108EX-A240.	CAI	1	Bị cháy động cơ	Kho vật tư	
25	33405022	Công tắc xoay cách ly.	CAI	1	Mòn/ lỏng các tiếp điểm	Kho vật tư	
26	55015148	Máy nén Performer. SM148-4VA1.; Lubricant:Mineral Oil 160P; Model:SM148T4VC; Power Supply:380-400 VAC, Tần số :50 Hz; Môi chất làm lạnh:22;	CAI	1	Bị cháy	Kho vật tư	
27	56342860	Indicator, PXR 3BAY1-VR000	CAI	1	Cháy nguồn	Kho vật tư	
28	56065655	S800 REDUNDANT COMM. INTERFACE CI820V1 ABB. 3BSE025255R0001. PR: D.	CAI	1	Hỏng bộ chuyển mạch và truyền thông tin	Kho vật tư	
29	56570221	Light barrier for monitoring loss. Art no: 876541. Power supply: 12/15/30VDC	CAI	1	Cháy nguồn	Kho vật tư	
30	56333220	DISSOLVED OXYGEN: Polymetron 9500	CAI	1	Hư màn hình hiển thị LCD	Kho vật tư	
31	50124213	Vòng bi 6203-2Z/C3	VONG	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
32	51990214	KIT,REPAIR (Bộ làm kín), Single Graphite P/N: RPACKX00122. Van điều khiển mực bao hơi cao áp - Size and Type: 6" HPT Body, Fisher Control International LLC - Fisher Ref No.: 171 - 146215 - Serial No: 0017945619	BO	1	Mòn khuyết/ không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
33	51990265	Plug complete kit. GE25909X072 (GE25909F012), (gồm Plug, Stem và Pin).Van điều khiển mực bao hơi cao áp - Size and Type: 6" HPT Body, Fisher Control International LLC - Fisher Ref No.: 171 - 146215 - Serial No: 0017945619	BO	1	Biến dạng	Kho vật tư	
34	51990208	Cage Assy (Buồng đóng mở),CAVIII,2, 17-4PH SST H1075 P/N: 33B0088X052 (33B0088X012). Van điều khiển mực bao hơi cao áp - Size and Type: 6" HPT Body, Fisher Control International LLC - Fisher Ref No.: 171 - 146215 - Serial No: 0017945619. KKS:11HAC70AA152; Manufacturer:Fisher Control International LLC;	CAI	1	Mòn khuyết/ không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
35	51990212	Seal Ring/SPR,RADIAL (vòng làm kín) N10276 with glass and Moly-Filled PTFE P/N: 17A4396X032 (GE43856X012). Van điều khiển mực bao hơi cao áp - Size and Type: 6" HPT Body, Fisher Control International LLC - Fisher Ref No.: 171 - 146215 - Serial No: 0017945619	CAI	1	Biến dạng	Kho vật tư	
36	51990215	Ring,Back-up, 416 SST P/N: 17A4397X012. Van điều khiển mực bao hơi cao áp - Size and Type: 6" HPT Body, Fisher Control International LLC - Fisher Ref No.: 171 - 146215 - Serial No: 0017945619	CAI	1	Mòn ty van/không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
37	51990218	Anti Extrusion Ring 21B2142X012. Van điều khiển mực bao hơi cao áp - Size and Type: 6" HPT Body, Fisher Control International LLC - Fisher Ref No.: 171 - 146215 - Serial No: 0017945619 (1cái/bộ). Pos:63	BO	1	Mòn ty van/không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
38	39414002	ETHERNET MEDIA CONVERTER; OSD2151	CAI	1	Hư bộ nguồn	Kho vật tư	
39	35691012	AC/DC ADAPTOR	CAI	1	Cháy board chuyển đổi AC/DC	Kho vật tư	
40	51932805	Van (valve): UN6NS 3/4" NPT FXF 316SS, 10.000 psi. ALCO	CAI	1	Mòn ty van	Kho vật tư	
41	51932805	Van (valve): UN6NS 3/4" NPT FXF 316SS, 10.000 psi. ALCO	CAI	1	Mòn ty van	Kho vật tư	
42	56297700	TanGas Flow 2026 net (Art No: 20-12-35000-A. Programming TangasFlow 2026net Sensor 1 KKS CYQ01CQ212 (0-100% V3.23)	BO	1	Cháy tụ/hư bộ nguồn	Kho vật tư	
43	50104047	Roller bearing 302BRN-04789	CAI	4	Mòn kim loại	Kho vật tư	
44	51888335	Pin, Crosshead 309PIN-00320	CAI	6	Mòn/khuyết	Kho vật tư	
45	51888334	Rod, Connecting Assembly 301ROD-00317	BO	6	Mòn khuyết kim loại, không còn khả năng tái sử dụng	Kho vật tư	
46	51888336	Rod, Plunger 301ROD-04797	CAI	6	Mòn khuyết kim loại, không còn khả năng tái sử dụng	Kho vật tư	
47	50134203	Vòng bi 6203 ZZ	VONG	2	Mòn kim loại	Kho vật tư	
48	39411049	Leased line Analog modem, SCADA A0	CAI	1	Hư bộ chuyển đổi nguồn	Kho vật tư	
49	56061200	POWER SUPPLY 24VDC/30W, 85-264VAC. DRAN30-24. KWZ 601159P0582	PC	1	Hư bộ nguồn	Kho vật tư	

STT	Mã vật tư	Tên vật tư và quy cách	DVT	Số lượng	Mô tả tình trạng	Vị trí lưu trữ	Ghi chú
50	88527002	Screen LCD 24"; FHD LED; 1920 * 1080 mm	CAI	1	Hỏng màn hình LCD	Kho vật tư	
51	51990106	Valve fire fighting	CAI	1	Đóng không kín	Kho vật tư	
52	35691068	Compact HE 1U power systems; Input: 100 to 250 VAC	BO	1	Cháy bộ nguồn	Kho vật tư	
53	51932805	Van (valve): UN6NS 3/4" NPT FXF 316SS, 10.000 psi. ALCO	CAI	1	Đóng không kín	Kho vật tư	
54	36688006	Bộ đèn chiếu sáng khẩn.	CAI	6	Không còn khả năng lưu điện tại ác quy	Kho vật tư	
55	36681707	Đèn thoát hiểm một mặt chống cháy nổ Paragon LM-BLZD-1ROE 2W.	BO	4	Không còn khả năng lưu điện tại ác quy	Kho vật tư	
56	36681703	Đèn thoát hiểm 1 mặt KT650	CAI	3	Không còn khả năng lưu điện tại ác quy	Kho vật tư	
57	39414002	ETHERNET MEDIA CONVERTER; OSD2151	CAI	1	Cháy nguồn/ không còn khả năng convert	Kho vật tư	
58	50396251	Vòng bi 6309 ZZ C3	CAI	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
59	50134311	Vòng bi 6310-2Z/C3	CAI	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
60	59101017	Air conditioner; 1800 BTU; FTF50XV1V; 1 pha; 2 HP; 220 to 240 V; R32; 50 Hz; Daikin/Thailand	BO	1	Cháy máy nén và hư hỏng hệ thống gas lạnh	Kho vật tư	
61	56359101	Deluge valve 10k-100A hệ thống chữa cháy	CAI	1	Mòn ty van, không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
62	56359102	Deluge valve 10k-150A hệ thống chữa cháy	CAI	1	Mòn ty van, không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
63	51932278	Stem/disc 17Cr. Van xả lò - Globe valve 40mm, 2700lbs, ASME B16.34, HP valve Netherland	CAI	1	Mòn ty van, không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
64	58690054	BƠM ĐIỆN RƠI TRỰC : ĐẦU BƠM FSA EBARA + ĐỘNG CƠ ĐIỆN 2POLE ELEKTRIM Model: 80x65 FSGA. Điện áp: 380V. ĐK Hút xả: DN80-DN65. Ráp với động cơ điện. 2 pole/7.5kW/380V/ chân đế. Đầu bơm và động cơ được lắp trên bệ đế thép, gia công lắp ráp tại Việt nam.	BO	1	Bị cháy	Kho vật tư	
65	39414023	Ethernet Switch/FO Converter SPIDER 4TX/1FX; SPIDER-SL20-04T1M29999TTYHHHH	PC	1	Cháy nguồn	Kho vật tư	
66	33440517	Đồng hồ áp suất (pressure gauge) 0...60bar, Model: EN837-1, CL 1.0 Kiểu kết nối: G1/2" Đường kính đồng hồ: 99mm Có glixerin	CAI	1	Bể mặt kính	Kho vật tư	
67	56006145	LOGIC INPUT AND OUTPUT , MES114 (Order No: 59646)	CAI	1	Hư bộ nguồn chuyển đổi	Kho vật tư	
68	33440191	Bộ chuyển đổi switching repeater type 9170/20-10-11k Stahl	CAI	1	Hư bộ nguồn chuyển đổi	Kho vật tư	
69	56006220	Operator panel - 6AV6641-0CA01-0AX1	CAI	1	Hư màn hình	Kho vật tư	
70	56072780	AUTOM. VENT 3/8" HY-CCW SYSTEM. Type: HY-Vent 3/8", G3/8"	CAI	1	Cháy ren/không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
71	51932280	Stem/disc 17Cr. Van xả lò - Globe valve 50mm, 2700lbs, ASME B16.34, HP valve Netherland	CAI	1	Đóng không kín	Kho vật tư	
72	51932280	Stem/disc 17Cr. Van xả lò - Globe valve 50mm, 2700lbs, ASME B16.34, HP valve Netherland	CAI	1	Đóng không kín	Kho vật tư	
73	35056224	Relay MY2N/24VDC 5A 250VAC (R&I le). OMRON;	CAI	1	Cháy cuộn dây	Kho vật tư	
74	51990357	Van điện từ (Electric actuator)	CAI	1	Cháy cuộn dây	Kho vật tư	
75	50137305	Vòng bi 6305-2Z/C3	VONG	1	Mòn kim loại	Kho vật tư	
76	56374279	Air filter regulator Model: B72G-2GK-SD1-RMN c/w 18-013-989	CAI	1	Hư hỏng bộ lọc	Kho vật tư	
77	41861004	Conventional Fire Alarm Control Panel; 4 zone conventional FACP Red 230V; W 385 * H 310 * D 92 mm	CAI	1	Hư bộ nguồn	Kho vật tư	
78	36688006	Bộ đèn chiếu sáng khẩn.	CAI	7	Hư bộ lưu điện	Kho vật tư	
79	51990531	Van màng dầu hút bơm Na2SO3. 430NB-NR-A150/125FF. Trim: NR. Connection:ANSI 150; Material:FC/HRL; OPERATION_PRESS:5 BAR; Rating:CL125; Size:1"; Trim material:NR; Type:M-DV	CAI	1	Màng van lão hóa, không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	

C.T
 TY
 HỢP DAN
 LUNG NAI
 OA-T.P

STT	Mã vật tư	Tên vật tư và quy cách	DVT	Số lượng	Mô tả tình trạng	Vị trí lưu trữ	Ghi chú
80	56297702	Analys 2026 net, Art No: 20- 10-35200-A Power Supply: 24V DC Programming Analys 2026net with 12MP CYQ01CQ211 (V3.23)	BO	1	Hư bộ nguồn	Kho vật tư	
81	51886406	Quạt làm mát FCU Model: MOD.D1/10-A20010 50/60Hz. 1PH. 4P. 220V. 0.6/0.65A; RPM1300/1450/4SP; CAP 2MFD/450V 54/69W.(Bao gồm cánh quạt)	BO	6	Cháy quạt	Kho vật tư	
82	51982280	Ván xả nước tự động của bộ lọc gió PD280. Max: 16bar. 66 độ C. P/N: 2901056300.	CAI	3	Mòn, không còn khả năng làm kín	Kho vật tư	
83	56065610	DIGITAL OUTPUT DO810. 3BSE008510R0001.	CAI	1	Hỏng bộ nguồn chuyển đổi In/Out	Kho vật tư	
84	51826002	Bơm chìm DG 100/2G. 1350W; 1 Phase; 230V; 50Hz; 6.2A. Rated Head: 10.4m. Rated Flow: 300l/phút	CAI	1	Bị cháy cuộn dây	Kho vật tư	
85	38310029	Bộ chuyển đổi nguồn hệ thống xe cào rác Model: 6EP1 333-3BA10 Input: 120/230 - 500 VAC 50/60Hz Output: 24VDC/5A/120W Max Operation temp: 60 độ C	BO	1	Cháy bộ nguồn	Kho vật tư	
86	50104206	Vòng bi 6206/C3	CAI	2	Mòn kim loại	Kho vật tư	
87	50104206	Vòng bi 6206/C3	CAI	2	Mòn kim loại	Kho vật tư	
88	55015148	Máy nén Performer. SM148-4VA1.; Lubricant:Mineral Oil 160P; Model:SM148T4VC; Power Supply:380-400 VAC, Tần số :50 Hz; Môi chất làm lạnh:22;	CAI	1	Bị cháy cuộn dây	Kho vật tư	
89	55020144	Rơ le giám sát điện áp DPA51C M44. RELAY. Tần Số:50-60 HZ; 208-480 VAC	CAI	1	Bị cháy cuộn dây	Kho vật tư	
90	51826900	Quạt giải nhiệt máy lạnh Chiller sân trạm SIRIPAT: CB1-3/4TA-RE. 220-240 VAC, 50 Hz, 3.2 A, 900 RPM	CAI	1	Bị cháy cuộn dây	Kho vật tư	
91	55015148	Máy nén Performer. SM148-4VA1.; Lubricant:Mineral Oil 160P; Model:SM148T4VC; Power Supply:380-400 VAC, Tần số :50 Hz; Môi chất làm lạnh:22;	CAI	1	Bị cháy	Kho vật tư	
92	51888336	Rod, Plunger 301ROD-04797	CAI	3	Mòn/rỗ kim loại	Kho vật tư	
93	51888334	Rod, Connecting Assembly 301ROD-00317	BO	3	Mòn/rỗ kim loại	Kho vật tư	
94	51888335	Pin, Crosshead 309PIN-00320	CAI	3	Mòn/rỗ kim loại	Kho vật tư	
95	50104047	Roller bearing 302BRN-04789	CAI	2	Mòn kim loại	Kho vật tư	
96	56333264	Power Supply Model No.: BFI 3002A. Flame monitor	CAI	1	Cháy bộ nguồn	Kho vật tư	
97	51826240	DC motor GT DC motor: GKCF 80L-2B-ea/S P=0.3kW; 1510 rpm U= 220VDC +10/-20%; IP54	CAI	1	Cháy động cơ	Kho vật tư	
98	51951041	Butterfly Valve; EVCS-i	CAI	1	Mòn kim loại cánh van	Kho vật tư	
99	55020144	Rơ le giám sát điện áp DPA51C M44. RELAY. Tần Số:50-60 HZ; 208-480 VAC	CAI	1	Cháy cuộn dây	Kho vật tư	
100	55015148	Máy nén Performer. SM148-4VA1.; Lubricant:Mineral Oil 160P; Model:SM148T4VC; Power Supply:380-400 VAC, Tần số :50 Hz; Môi chất làm lạnh:22;	CAI	1	Cháy máy nén	Kho vật tư	
101	36681703	Đèn thoát hiểm 1 mặt KT650	CAI	1	Cháy bóng, hư bộ lưu điện	Kho vật tư	
102	36688006	Bộ đèn chiếu sáng khẩn.	CAI	1	Hư bộ lưu điện	Kho vật tư	
103	36681707	Đèn thoát hiểm một mặt chống cháy nổ Paragon LM-BLZD-1ROE 2W.	BO	2	Hư bộ lưu điện	Kho vật tư	
104	56333377	Solenoid Valve SCX8551A005MS. TPL:20620@220DC. Voltages: 440VAC, 50-60Hz, 220 VDC. Watt rating: 3W, IP65. 3/2NC. Port 1: NPT 1/4". Port 3: NPT 1/8".	CAI	1	Cháy cuộn dây	Kho vật tư	
105	51826752	Bơm chìm APP SV-750. P=750W. Lưu lượng: 13.8-22.8 m3/h. Cột áp 9m	CAI	1	Cháy động cơ	Kho vật tư	
106	34424281	Đồng hồ áp suất có công tắc cài đặt (Pressure Gauge with micro switch)	CAI	1	Bề mặt hình hiển thị kỹ thuật số	Kho vật tư	
107	51826194	Động cơ 3 pha điều khiển van. Motor type: TM4.0107, 390-420 Vac, 3 pha, 50Hz, 1.4-1.5 A, 0.4 KW, 1390 rpm cosφ = 0.63. Drehmo EMG-Topfinotor	CAI	1	Cháy động cơ	Kho vật tư	
108	51796005	Condensate pump; MD-DM-11, DC13V	CAI	1	Cháy cuộn dây rotor	Kho vật tư	
109	56374279	Air filter regulator Model: B72G-2GK-SD1-RMN c/w 18-013-989	CAI	1	Hư van điện từ	Kho vật tư	

STT	Mã vật tư	Tên vật tư và quy cách	DVT	Số lượng	Mô tả tình trạng	Vị trí lưu trữ	Ghi chú
110	56374279	Air filter regulator Model: B72G-2GK-SD1-RMN c/w 18-013-989	CAI	1	Hư van điện từ	Kho vật tư	
111	56374279	Air filter regulator Model: B72G-2GK-SD1-RMN c/w 18-013-989	CAI	1	Hư van điện từ	Kho vật tư	
112	58840610	Lược máy nén hệ thống lạnh: DCL 165 (phin lọc máy lạnh): Danfoss.	CAI	1	Hư van điện từ	Kho vật tư	
113	33440516	Đồng hồ áp suất (Pressure gauge). Model: 50-35E Range: -10 ...10 PsiG Mounting: 1/4-18 NPT Accuracy: ±3% FS Dial: 3.5" (89mm)	CAI	1	Bể mặt kính	Kho vật tư	
114	89130496	Quạt làm mát CPU máy tính (DC Brushless Fan).	CAI	1	Cháy quạt	Kho vật tư	
115	56311155	Alumium Alloy Anode type: 40NT-1000SC. ST1-CPU (25NT-1000SC, 40NT-1000SC)	CAI	10	Đã mòn hết các điện cực Anode hy sinh	Kho vật tư	
116	56311155	Alumium Alloy Anode type: 40NT-1000SC. ST1-CPU (25NT-1000SC, 40NT-1000SC)	CAI	8	Đã mòn hết các điện cực Anode hy sinh	Kho vật tư	
117	33831036	Dao cách ly đóng bằng tay HAS 1600 1600A 3.6KV 3S3Ö. Oder code: 029.366 639	BO	1	Phóng điện/ mòn khuyết các má dao không thể phục hồi	Kho vật tư	
118	56333335	Display Pressure Switch DPS. Type: 8381.78.2511.35.0000.0000.PA.33.P1.ZS.Z2. (Range: 0...10bar).	CAI	1	Mòn khuyết các chân kết nối thiết bị	Kho vật tư	
119	50154201	Vòng bi 6201-12.7-2RS1	CAI	2	Mòn kim loại	Kho vật tư	
120	58840610	Lược máy nén hệ thống lạnh: DCL 165 (phin lọc máy lạnh): Danfoss.	CAI	1	Lão hóa/rách	Kho vật tư	
121	56374279	Air filter regulator Model: B72G-2GK-SD1-RMN c/w 18-013-989	CAI	1	Dơ/bẩn không còn khả năng phục hồi	Kho vật tư	
122	58840610	Lược máy nén hệ thống lạnh: DCL 165 (phin lọc máy lạnh): Danfoss.	CAI	1	Lão hóa/mòn	Kho vật tư	